

CHÍNH SÁCH THUẾ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU NGOÀI CÔNG LẬP: TỔNG QUAN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

Nguyễn Quỳnh Anh¹

Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ

Nguyễn Văn Hiếu

Trung tâm Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên (CEN)

Lê Minh Hải, Nguyễn Thị Thùy Linh, Đặng Thu Minh

Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Tóm tắt:

Khi nền kinh tế đất nước phát triển, chính sách của Nhà nước đối với các hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) từng bước được điều chỉnh. Các chính sách này bao gồm xã hội hóa hoạt động KH&CN, khuyến khích các thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động KH&CN; cho phép mọi tổ chức, cá nhân, kể cả tổ chức có vốn nước ngoài, nhà khoa học nước ngoài được thành lập, đăng ký tổ chức KH&CN ngoài công lập tại Việt Nam và thực hiện hoạt động KH&CN trên lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, các tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu và triển khai ngoài công lập đã có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và sự tiến bộ của KH&CN nói riêng. Vì thế, rất cần có các chính sách hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và triển khai của các tổ chức này, tương xứng với vai trò và tầm quan trọng đối với sự phát triển của một quốc gia. Bài viết này tổng hợp, phân tích các khoảng trống chính sách về thuế trong hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và triển khai cho các tổ chức ngoài công lập ở Việt Nam, đồng thời đề xuất, gợi ý các giải pháp chính sách dựa trên các khoảng trống chính sách đã rà soát, tham chiếu đến các kinh nghiệm thực hành tốt về chính sách trên thế giới liên quan đến hỗ trợ các tổ chức ngoài công lập trong thực hiện các hoạt động nghiên cứu và triển khai.

Từ khóa: Thuế; Chính sách; Tổ chức ngoài công lập; Nghiên cứu và triển khai; Khoa học và công nghệ.

Mã số: 24011801

TAX POLICIES SUPPORTING RESEARCH ACTIVITIES OF NON-PUBLIC RESEARCH ORGANIZATIONS: OVERVIEW AND POLICY IMPLICATIONS FOR VIETNAM

Summary:

As Vietnam's economy expands, the government is adjusting its policies in the field of science and technology (S&T). These adjustments include privatization to encourage businesses, groups, and individuals to participate in S&T. The policies also permit various

¹ Tác giả liên hệ: quynh.anh.nistpass@gmail.com

organizations and individuals, including those from other countries, to establish and register private S&T institutions in Vietnam. These non-public organizations operating in research and development (R&D) have played a significant role in the country's overall socio-economic development and the progress of S&T. Recognizing their importance, it's essential to have policies that support and enhance the R&D activities of these institutions, aligning with their role in the country's growth. This article examines the gaps in tax policies affecting the support for R&D activities in non-public organizations in Vietnam. It proposes solutions by analyzing these gaps and referring to effective policies from around the world that support R&D activities in non-public organizations.

Keywords: Tax; Policies; Non-public organizations; Research and development; Science and technology.

1. Mở đầu

Sau hơn 30 năm đổi mới, khoa học và công nghệ (KH&CN) tại Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc xây dựng và phát triển năng lực, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng, cải thiện đời sống và đưa đất nước từ một nước kém phát triển lên nhóm các nước có thu nhập trung bình. Tuy nhiên, so với mục tiêu và nhiệm vụ đề ra, KH&CN tại Việt Nam vẫn chưa đạt được tiềm năng và vị trí của mình, chưa thực sự trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và vượt qua tình trạng tụt hậu so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Một trong những nguyên nhân chính của tình trạng này là do đầu tư cho KH&CN ở Việt Nam vẫn còn thấp so với các nước có nền KH&CN phát triển, với phần lớn nguồn tài chính vẫn phụ thuộc vào ngân sách nhà nước và bị giới hạn.

Hoạt động nghiên cứu và triển khai (R&D) có vai trò gián tiếp tác động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bằng cách kích thích sự đổi mới và sáng tạo trong nội bộ của một quốc gia. Đổi mới công nghệ trong công nghiệp được hình thành từ đầu tư cho hoạt động R&D, là động lực chính của tăng trưởng kinh tế, trong khi các doanh nghiệp chỉ đầu tư cho hoạt động R&D nếu có cơ hội tìm kiếm lợi nhuận (*Grossman & Helpman, 1993*). Do đó, nếu lợi ích của việc đầu tư cho hoạt động R&D được đảm bảo thông qua các chính sách thúc đẩy đầu tư, doanh nghiệp sẽ đầu tư nhiều hơn, quá trình đổi mới sáng tạo được thúc đẩy và kết quả cuối cùng là tạo ra sự tăng trưởng về năng suất. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, quốc gia nào có nền KH&CN càng phát triển thì tỷ trọng đầu tư cho R&D của khu vực ngoài nhà nước so với ngân sách nhà nước càng cao. Ngân sách nhà nước chỉ tài trợ cho các nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu phục vụ lợi ích chung của quốc gia (*OECD, 2010*). Ở các nước phát triển như châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản, tỷ trọng này thường dao động từ 3:1 đến 5:1. Trung Quốc có tỷ trọng 3:1 và có xu hướng tăng dần theo thời gian. Tại Việt Nam cho đến nay, ngân sách nhà nước vẫn là nguồn lực chính,

chiếm 52% tổng đầu tư xã hội cho KH&CN (Đỗ Thành Long, 2020). Cần nhìn nhận rằng, dù được Nhà nước quan tâm đến đâu thì nguồn lực của Nhà nước cũng rất hạn chế trong bối cảnh đất nước còn gặp nhiều khó khăn như hiện nay, không thể so sánh với tiềm lực dồi dào của khu vực ngoài nhà nước, đặc biệt là của khối doanh nghiệp.

Nhằm đạt được kết quả thiết thực trong tăng trưởng kinh tế, vươn lên thành quốc gia phát triển trong tương lai, việc xây dựng các chính sách hiệu quả để khuyến khích khối ngoài công lập đầu tư cho hoạt động R&D là hết sức cần thiết và cấp bách. Tuy nhiên, để có thể xây dựng các chính sách hỗ trợ một cách hiệu quả thì việc đầu tiên cần làm là rà soát các chính sách hiện hành về hỗ trợ các hoạt động R&D. Vì thế, nghiên cứu này tập trung vào việc rà soát các chính sách hỗ trợ hiện có nhằm rút ra các hàm ý để hoàn thiện chính sách trong tương lai.

2. Khái niệm tổ chức nghiên cứu ngoài công lập

2.1. Khái niệm tổ chức nghiên cứu ngoài công lập

Nội hàm khái niệm “tổ chức nghiên cứu ngoài công lập” đã được rà soát trong các văn bản, tài liệu của Việt Nam để xác định rõ nội hàm của khái niệm này. Hiện tại, trong chính sách và quy định pháp luật của Việt Nam không có thuật ngữ “tổ chức nghiên cứu ngoài công lập”. Trong đó, “tổ chức nghiên cứu ngoài công lập” trong nghiên cứu này được xác định dựa trên ba khía cạnh: (1) là các tổ chức có tư cách pháp nhân; (2) theo quy định của pháp luật có chức năng/nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; và (3) không thuộc sở hữu của Nhà nước.

Quá trình rà soát các thuật ngữ định nghĩa trong quy định, pháp luật của Việt Nam cho thấy, có các chủ thể/đối tượng đáp ứng các tiêu chí trên, bao gồm:

Thứ nhất, tổ chức KH&CN ngoài công lập. Theo đó, “Tổ chức KH&CN là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ KH&CN, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật” (Điều 3, Luật KH&CN năm 2013). Theo Khoản 2, Điều 3, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật KH&CN năm 2013, “tổ chức KH&CN ngoài công lập” là tổ chức KH&CN do doanh nghiệp, cá nhân và không do các tổ chức (Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ; Tòa án nhân dân tối cao; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập). Như vậy, đối tượng này có các đặc điểm: (1) Tổ chức chủ quản (ra quyết định thành lập) không phải là cơ quan nhà nước; (2) Có thể trực thuộc doanh nghiệp nhưng không phải là doanh nghiệp; và (3) Phải đăng ký giấy phép hoạt động KH&CN tại Sở KH&CN

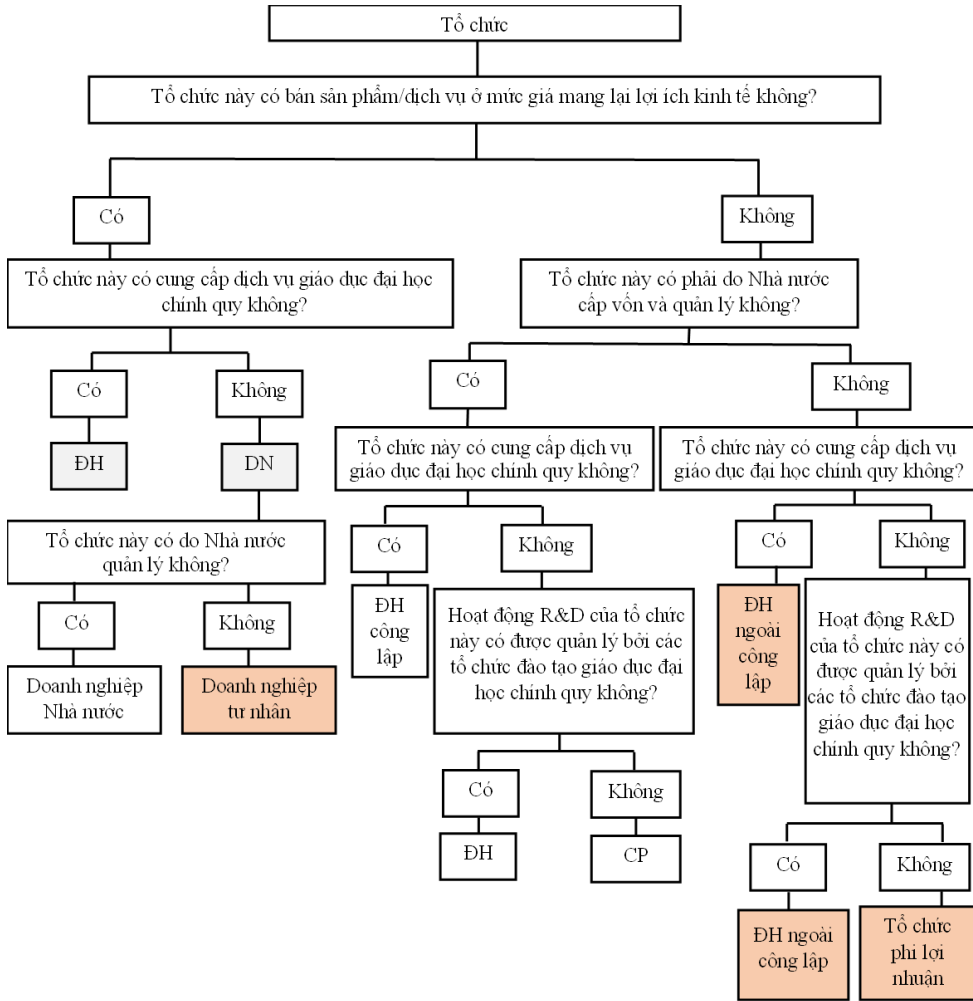
các địa phương hoặc Văn phòng Đăng ký Hoạt động KH&CN (Bộ KH&CN). Theo loại hình tổ chức KH&CN ngoài công lập bao gồm: các viện nghiên cứu, trung tâm KH&CN,... Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKH&CN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN, đã làm rõ hơn các hình thức của tổ chức KH&CN. Theo đó, các hình thức của tổ chức KH&CN ngoài công lập bao gồm: viện, trung tâm, phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, trạm quan trắc, trạm thử nghiệm, liên hiệp khoa học - sản xuất, liên đoàn, trường, khoa và các hình thức tên gọi khác.

Thứ hai, doanh nghiệp công nghệ cao. Theo Khoản 4, Điều 3, Luật Công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao là “doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao, có hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao”. Doanh nghiệp công nghệ cao phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg liên quan đến: (1) doanh thu từ sản phẩm công nghệ cao, (2) tỷ lệ tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp, (3) tỷ lệ lao động trực tiếp thực hiện nghiên cứu và phát triển.

Như vậy, dựa trên phân loại trên thì “tổ chức nghiên cứu ngoài công lập” trong nghiên cứu này được hiểu là tổ chức thực hiện các nghiên cứu và triển khai (R&D) thuộc doanh nghiệp như Viện Nghiên cứu ứng dụng công nghệ CMC thuộc Tập đoàn CMC, thuộc các trường đại học ngoài công lập như Viện Nghiên cứu và Công nghệ Phenikaa thuộc Trường Đại học Phenikaa, Viện Nghiên cứu và Phát triển công nghệ cao thuộc Đại học Duy Tân, các viện nghiên cứu trực thuộc Hiệp hội như Viện Nghiên cứu Thực phẩm chức năng, Hiệp hội Thực phẩm chức năng Việt Nam và các doanh nghiệp công nghệ cao.

2.2. Khái niệm “tổ chức nghiên cứu ngoài công lập” trong hệ quy chiếu quốc tế

Phần này sẽ tập trung xác định “tổ chức nghiên cứu ngoài công lập” đã được phân tích tại Mục 2.1 tương thích với khái niệm nào trong hệ thống các tổ chức nghiên cứu nói chung theo hệ quy chiếu của quốc tế. Dựa vào định nghĩa trong khoản 11, Điều 3 Luật KH&CN năm 2013 và phân loại tổ chức KH&CN và theo Hướng dẫn Frascati 2015 thì các tổ chức nghiên cứu ngoài công lập trong chính sách của Việt Nam tương đương với tổ chức nghiên cứu thuộc doanh nghiệp tư nhân, đại học ngoài công lập và các tổ chức phi lợi nhuận như Hiệp hội. Hình 1 định vị tổ chức KH&CN ngoài công lập trong chính sách của Việt Nam theo hệ quy chiếu phân loại của Frascati, 2015 (OECD, 2015), trong đó:



Chú thích:

DN: Khu vực doanh nghiệp; ĐH: Khu vực giáo dục đại học; CP: Chính phủ

Nguồn: Sổ tay Frascati (2015)

Hình 1. Cây quyết định phân loại đơn vị thể chế cho các tổ chức R&D

Các ô màu cam định vị tổ chức nghiên cứu ngoài công lập trong chính sách của Việt Nam theo hệ quy chiếu phân loại của Frascati, 2015. Trong đó:

- Các tổ chức R&D thuộc doanh nghiệp: Ví dụ Viện Nghiên cứu Ứng dụng CMC thuộc tập đoàn CMC, Viện Nghiên cứu nông nghiệp Lộc Trôi thuộc Tập đoàn Lộc Trôi, các phòng/ban có chức năng nghiên cứu như Phòng Kỹ thuật Công ty thép Việt, Công ty Cơ khí Duy Khanh,...;
- Các tổ chức thuộc đại học ngoài công lập: Ví dụ Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ cao - Đại học Duy Tân; Viện nghiên cứu và Công nghệ, Viện nghiên cứu tiên tiến PHENIKAA thuộc Đại học PHENIKAA;

- Các tổ chức thuộc các Hiệp hội: Ví dụ Viện nghiên cứu thực phẩm chức năng thuộc Hiệp hội thực phẩm chức năng Việt Nam.

3. Chính sách hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm

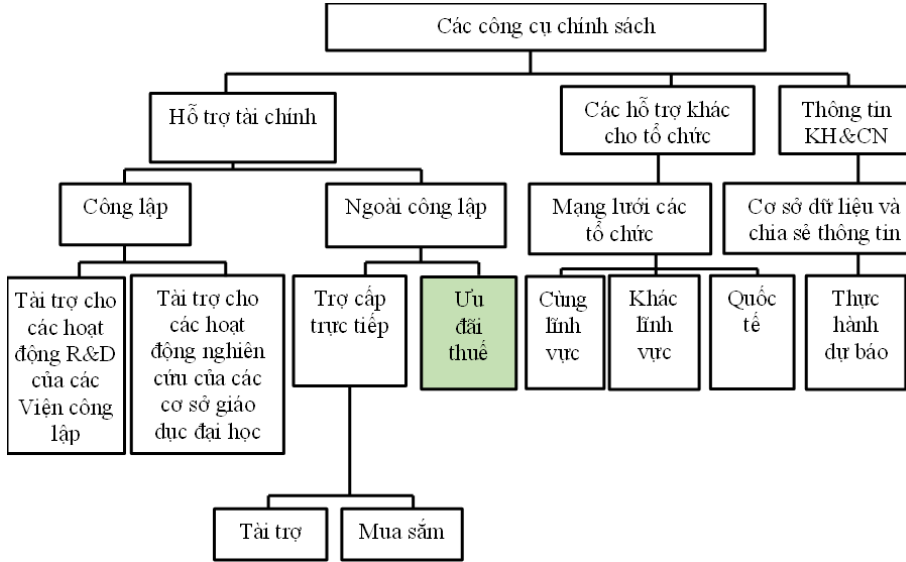
Tiến bộ công nghệ được cho là một trong những yếu tố then chốt quyết định sự phát triển kinh tế, câu hỏi đặt ra là làm thế nào để thúc đẩy động lực của các chủ thể thị trường (doanh nghiệp) một cách tốt nhất nhằm tạo ra mức độ tiến bộ khoa học mà Chính phủ mong muốn? Tuy nhiên, các nghiên cứu cho thấy doanh nghiệp đầu tư cho R&D thấp hơn kỳ vọng vì hai lý do:

- *Thứ nhất*, vì hàng hóa tri thức từ R&D có thể dễ dàng bị các đối thủ cạnh tranh bắt chước/chiếm đoạt, nên các doanh nghiệp không thể thu hồi hoàn toàn lợi nhuận từ khoản đầu tư R&D của chính họ vì một số lợi ích sẽ chuyển sang các doanh nghiệp khác. Quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là sáng chế bị xâm phạm theo nhiều cách khác nhau, các đổi mới sản phẩm và quy trình có giá trị sẽ ít nhiều được sao chép một cách nhanh chóng. Ngay cả khi quyền sở hữu trí tuệ được bảo vệ một cách hiệu quả, R&D vẫn tạo ra các tác động bên ngoài tích cực lan tỏa sang các doanh nghiệp khác và mang lại lợi ích cho nền kinh tế nói chung. Do đó, các công ty có xu hướng đầu tư ít hơn vào các dự án R&D so với mức họ nên làm vì họ biết rằng các công ty khác sẽ thu được một phần lợi nhuận, hoặc họ có xu hướng chờ đợi các công ty khác tham gia vào các dự án R&D hơn là tự mình thực hiện (Chavez, 2020);
- *Thứ hai*, bản chất của nghiên cứu khoa học là không chắc chắn về kết quả sẽ đạt được, có rủi ro nên nhiều công ty sẽ do dự đầu tư cho R&D và trì hoãn vì sự không chắc chắn này, vì lợi nhuận từ chi tiêu R&D có thể mất nhiều thời gian mới có thể nhận thấy được (Bevan, 2019; Chavez, 2020).

Do đó, việc sản xuất những hàng hóa tri thức này có thể gặp phải thất bại thị trường và đây là lúc chính phủ có thể can thiệp bằng cách tài trợ trực tiếp cho các hoạt động nghiên cứu do các tổ chức nghiên cứu thuộc các trường đại học công lập và ngoài công lập thực hiện, cũng như các chính sách kinh tế hỗ trợ R&D cho doanh nghiệp (Güçeri & cộng sự, 2020; OECD, 2023a).

Hiện nay, nhiều nghiên cứu tập trung vào “bộ ba” chính sách: tài trợ trực tiếp của chính phủ cho nghiên cứu (cho các phòng thí nghiệm của chính phủ và các trường đại học), tài trợ của chính phủ cho R&D tư nhân (thông qua trợ cấp hoặc mua sắm) và khuyến khích thuế cho R&D của doanh nghiệp (Bevan, 2019). Một lý thuyết về hệ thống chính sách được sử dụng rộng rãi và phổ biến để phân loại nhiều loại công cụ chính sách hiện có là “hệ thống NATO” do Robert Hood phát triển (Hood, 2007). Hệ thống này phân loại các công

cụ chính sách theo nguồn lực chính phủ sử dụng cho phạm vi điều chỉnh của chính sách (Hình 2).



Nguồn: Bevan (2019)

Hình 2: Sơ đồ các công cụ chính sách khác nhau liên quan đến R&D (và một phần chính sách đổi mới sáng tạo)

Như vậy, chính sách hỗ trợ hoạt động R&D là một chính sách công nhằm thúc đẩy hoạt động về R&D để đạt được các mục tiêu đề ra. Động cơ thúc đẩy các quốc gia ban hành chính sách về lĩnh vực này là nhằm nâng cao chất lượng, phạm vi và số lượng trong nghiên cứu khoa học, phát triển trình độ KH&CN, đồng thời thu hút nguồn nhân lực KH&CN cao. Từ đó, xây dựng nền tảng cơ bản cho khả năng nghiên cứu R&D, đặc biệt là khả năng có thể độc lập triển khai các hoạt động khoa học. Chính sách hỗ trợ hoạt động R&D hướng đến các mục tiêu chính bao gồm: (1) Giải quyết các vấn đề của xã hội thông qua nghiên cứu khoa học, phát triển các công nghệ mới và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; (2) Xây dựng năng lực KH&CN; (3) Đạt được trình độ nghiên cứu cao hơn; và (4) Tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia, ngành và doanh nghiệp. Tùy theo điều kiện và yêu cầu cụ thể mỗi quốc gia, mục tiêu của chính sách có thể khác nhau và thay đổi theo từng giai đoạn, trước bối cảnh diễn biến tình hình quốc tế và trong nước.

4. Chính sách hỗ trợ hoạt động R&D của tổ chức nghiên cứu ngoài công lập ở Việt Nam

4.1. Chính sách đối với các tổ chức KH&CN ngoài công lập

Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao. Nghị định này được hướng dẫn bởi Thông tư số 18/2000/TT-BTC (đã hết hiệu lực năm 2006). Nghị định này đã quy định một số chính sách hỗ trợ các “cơ sở ngoài công lập” hoạt động không vì mục đích thương mại. Tuy nhiên, các “cơ sở ngoài công lập” trong lĩnh vực KH&CN không thuộc phạm vi điều chỉnh của chính sách này.

Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ thay thế Nghị định số 73/1999/NĐ-CP đã bổ sung thêm nhóm đối tượng hoạt động trong lĩnh vực KH&CN và được hướng dẫn bởi Thông tư số 91/2006/TT-BTC. Trong đó, các “cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập” được hưởng các chính sách ưu đãi sau:

- Được cho thuê nhà cửa, cơ sở hạ tầng với giá ưu đãi;
- Được Nhà nước ưu đãi giao đất hoặc cho thuê đất theo các hình thức: Giao đất không thu tiền sử dụng đất; Giao đất miễn thu tiền sử dụng đất; Cho thuê đất và miễn tiền thuê đất;
- Được miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà;
- Được ưu đãi về thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của Luật Thuế Giá trị gia tăng, Luật Thuế Xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu và các quy định hiện hành;
- Được hưởng thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động;
- Trình tự, thủ tục, phương pháp xác định số thuế được miễn, giảm theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

4.2. Các chính sách hỗ trợ hoạt động R&D do doanh nghiệp thực hiện

Quá trình rà soát chính sách trong nghiên cứu này đã giúp nhóm các vấn đề chính sách hỗ trợ hoạt động R&D do doanh nghiệp thực hiện thành các nhóm sau: (1) Ưu đãi thuế; (2) Ưu đãi tín dụng; (3) Ưu đãi đất đai; và (4) Chính sách khác hỗ trợ hoạt động R&D của doanh nghiệp ngoài các chính sách trên, như: cơ chế quỹ và chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Trong khuôn khổ bài báo này, nhóm nghiên cứu tập trung vào rà soát chính sách ưu đãi về thuế cho các tổ chức là doanh nghiệp trong thực hiện các hoạt động R&D.

Bảng 1: Tổng hợp các chính sách của Việt Nam theo lát cắt thuế cho hoạt động R&D của doanh nghiệp

STT	Luật KH&CN quy định các trường hợp được ưu đãi thuế	Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTC (Nghị định hướng dẫn Luật Thuế TNDN)	Văn bản hợp nhất số 66/VBHN-BTC (Thông tư hướng dẫn Luật Thuế TNDN)
A	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
A1	Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật về KH&CN, được miễn thuế trong thời gian thực hiện hợp đồng và tối đa không quá 03 năm kể từ ngày bắt đầu có doanh thu từ thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;	a) Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được miễn thuế phải đảm bảo các điều kiện sau; - Có chứng nhận đăng ký hoạt động nghiên cứu khoa học; - Được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học có thẩm quyền xác nhận là hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.
A2	Thu nhập từ sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam; sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm	Thu nhập từ bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng ở Việt Nam theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ KH&CN được miễn thuế tối đa không quá 05 năm kể từ ngày có doanh thu từ bán sản phẩm; thu nhập từ bán sản phẩm sản xuất thử nghiệm trong thời gian sản xuất thử nghiệm theo quy định của pháp luật	b) Thu nhập từ doanh thu bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên được áp dụng tại Việt Nam được miễn thuế phải đảm bảo công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học có thẩm quyền xác nhận (Điều 8).
A3	Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và một số hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao	Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm năm (Điều 15) Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (Điều 16)	Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao được hưởng ưu đãi về thuế suất kể từ năm được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

STT	Luật KH&CN quy định các trường hợp được ưu đãi thuế	Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTC (Nghị định hướng dẫn Luật Thuế TNDN)	Văn bản hợp nhất số 66/VBHN-BTC (Thông tư hướng dẫn Luật Thuế TNDN)
A4	Dịch vụ KH&CN ²		
A5	Kinh phí tài trợ của tổ chức, cá nhân cho hoạt động nghiên cứu khoa học; khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động nghiên cứu khoa học	Miễn thuế (Điều 4)	Miễn thuế (Điều 8)
	CGCN thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyên giao cho tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Miễn thuế (Điều 4)	Miễn thuế (Điều 8)
	Các trường hợp khác được quy định tại các luật về thuế	Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm năm (Điều 15) Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (Điều 16) → Đối tượng: đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới ³⁴ (Điều 13)	Dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.
		Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm (Điều 15) Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (Điều 16)	Được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi (Điều 18)

² Dịch vụ KH&CN là hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, CGCN, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử; dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng thành tựu KH&CN trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

³ Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao; đầu tư xây dựng - kinh doanh cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước theo quy định của pháp luật; sản xuất sản phẩm phần mềm; sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học; bảo vệ môi trường.

⁴ Sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

STT	Luật KH&CN quy định các trường hợp được ưu đãi thuế	Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTC (Nghị định hướng dẫn Luật Thuế TNDN)	Văn bản hợp nhất số 66/VBHN-BTC (Thông tư hướng dẫn Luật Thuế TNDN)
		→ Đối tượng: đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao thu nhập của doanh nghiệp	
	Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tự đào tạo, tham gia, tài trợ cho việc đào tạo, đào tạo lại nhân lực, bồi dưỡng nhân tài KH&CN. Kinh phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. (Điều 22, Luật KH&CN)	Được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế (Điều 9)	
B.	Thuế xuất nhập khẩu		
	Luật KH&CN quy định các trường hợp được ưu đãi thuế	Luật Thuế XNK	Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BTC (Nghị định hướng dẫn Luật Thuế XNK)
	Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ	Miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được, tài liệu, sách báo khoa học chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN, đổi mới công nghệ (Điều 16)	Căn cứ để xác định hàng hóa trong nước chưa sản xuất được thực hiện theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Căn cứ để xác định máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN, đổi mới công nghệ thực hiện theo quy định của Bộ KH&CN.

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

5. Khoảng trống chính sách thuế hỗ trợ hoạt động R&D của cho các tổ chức nghiên cứu ngoài công lập

Phần này tập trung rà soát các khoảng trống về chính sách thuế hỗ trợ hoạt động R&D của tổ chức KH&CN ngoài công lập và doanh nghiệp.

5.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Việc rà soát các chính sách ưu đãi doanh nghiệp quy định trong Luật KH&CN năm 2013; Nghị định hướng dẫn Luật Thuế TNDN (09/VBHN-BTC); Thông tư hướng dẫn Luật Thuế TNDN (66/VBHN-BTC) cho thấy một số điểm chưa rõ hoặc bất cập sau đây:

#1. Không chắc chắn có thể dùng “Giấy đăng ký hoạt động KH&CN” do Sở KH&CN/Bộ KH&CN cấp như “Chứng nhận đăng ký hoạt động nghiên cứu khoa học” để đưa vào hồ sơ ưu đãi thuế hay không?

#2. Chưa có quy định “Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học có thẩm quyền” cụ thể là những cơ quan nào? Trong trường hợp nào là Sở KH&CN, trong trường hợp nào là Bộ KH&CN?

#3. Chưa có tiêu chí để xác định thế nào là “Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”.

#4. Chưa có tiêu chí để xác định “sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên được áp dụng tại Việt Nam”.

#5. Chỉ có loại hình “ứng dụng KH&CN” (được triển khai đối với doanh nghiệp KH&CN) được cụ thể hóa trong các Nghị định và thông tư hướng dẫn dành cho doanh nghiệp KH&CN (Nghị định số 13/2019/NĐ-CP, Thông tư số 03/2021/TT-BTC,...). Các hình thức của dịch vụ KH&CN còn lại (hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử; dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến) chưa được quy định triển khai?

#6. Chưa có quy định về việc xác nhận một hoạt động là “hoạt động nghiên cứu khoa học” (cơ quan nào có thẩm quyền xác nhận, cơ quan nào ban hành quy trình và tiêu chí xác nhận)?

5.2. Ưu đãi thuế xuất nhập khẩu

#7. Chưa có quy định của Bộ KH&CN về danh mục nhập khẩu phục vụ cho hoạt động KH&CN mặc dù đã có quy định về danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, linh kiện bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được theo Thông tư số

14/2015/TT-BKHĐT. Điều này dẫn tới doanh nghiệp không biết triển khai như thế nào. Điển hình liên quan đến vấn đề này, Viện KH&CN Việt Nam - Hàn Quốc đã có Công văn số 117/CV-VKIST ngày 06/5/2021 gửi Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính) hỏi về xử lý thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng cho thiết bị nghiên cứu khoa học nhập khẩu. Công văn trả lời của Tổng cục Hải quan (số 2371/TCHQ-TXNK) ngày 20/5/2021, khẳng định “*Căn cứ để xác định máy móc, phụ tùng, vật tư chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phát triển hoạt động ương tạo công nghệ, ương tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới công nghệ thực hiện theo quy định của Bộ KH&CN*”. Như vậy, câu trả lời lại quay về Bộ KH&CN và hiện tại chưa có câu trả lời thỏa đáng về vấn đề này vì chưa có quy định của Bộ KH&CN về danh mục thiết bị nhập khẩu phục vụ cho hoạt động KH&CN.

6. Hàm ý chính sách

Phần này bao gồm các khuyến nghị chính sách dựa trên: (1) Kinh nghiệm và các nghiên cứu quốc tế; và (2) Các bất cập từ khoảng trống chính sách ở mục 5.

6.1. Kinh nghiệm quốc tế sử dụng công cụ thuế hỗ trợ hoạt động R&D của doanh nghiệp

Các quốc gia trên toàn cầu trong vài thập kỷ qua đã ngày càng dựa nhiều hơn vào các ưu đãi thuế để hỗ trợ R&D của khối ngoài công lập. Các quốc gia tập trung vào R&D như: Pháp, Canada và Trung Quốc chuyển hơn một nửa nguồn vốn công cho R&D của khu vực tư nhân thông qua hệ thống thuế (OECD, 2023b). Những quốc gia này, cùng với nhiều quốc gia khác, đã bắt đầu sử dụng các công cụ thuế để hỗ trợ R&D, thậm chí trước khi xuất hiện nhiều tài liệu về hiệu quả của ưu đãi thuế R&D (Güçeri & cộng sự, 2020).

Những lý do khiến các nhà hoạch định chính sách bắt đầu nhận thấy các khoản giảm thuế được thiết kế đơn giản thích hợp hơn so với trợ cấp trực tiếp là chi phí hành chính có thể thấp hơn khi sử dụng các ưu đãi thuế, khả năng chính phủ kích thích R&D tư nhân trong khi để các doanh nghiệp quyết định nên đầu tư vào dự án nào. Bằng cách lựa chọn hệ thống thuế, chính phủ không còn phải thành lập các hội đồng gồm các chuyên gia để đánh giá các dự án/đề tài và lựa chọn trong số đó, như trong trường hợp trợ cấp trực tiếp. Hơn nữa, bản thân các doanh nghiệp cũng hiểu rõ thị trường hơn, do đó, có thể đầu tư vào những cơ hội sinh lợi nhiều hơn. Khía cạnh thuận tiện này của việc sử dụng hệ thống thuế cũng có cái giá phải trả: tổng chi phí của chương trình tính theo nguồn thu từ thuế được miễn lớn hơn nhiều so với chi phí trợ cấp trực tiếp cho ngân sách chính phủ.

Các nước trên thế giới áp dụng các loại thuế hỗ trợ khác nhau cho hoạt động R&D của doanh nghiệp. Bảng 2 tóm tắt các biện pháp hỗ trợ thuế của các nước đi đầu trong hỗ trợ R&D doanh nghiệp và các biện pháp đó đã mang lại hiệu quả theo nghiên cứu của *OECD (2016)*.

Bảng 2. Đặc điểm chính của ưu đãi thuế cho R&D ở một số nước OECD và các quốc gia khác

Thiết kế chính sách thuế khuyến khích R&D	
1. Ưu đãi thuế cho R&D dựa trên chi tiêu	
• Tín dụng thuế R&D dựa trên khối lượng	Úc, Áo, Bỉ, Canada, Chile, Đan Mạch, Pháp, Hungary, Iceland, Ireland, New Zealand, Na Uy, Anh
• Tín dụng thuế R&D tăng thêm	Hoa Kỳ (tín dụng trên cơ sở cố định, được lập chỉ mục và tăng dần đối với tín dụng đơn giản hóa)
• Hệ thống kết hợp khối lượng và tín dụng gia tăng	Ý, Nhật Bản, Hàn Quốc, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha
• Khấu trừ thuế R&D vượt quá mức thu hồi 100%	Bỉ, Brazil, Trung Quốc, Cộng hòa Séc, Hy Lạp, Hungary, Hà Lan, Ba Lan, Liên bang Nga, Slovenia, Cộng hòa Slovak, Nam Phi, Thổ Nhĩ Kỳ, Anh
2. Giảm thuế đối với thuế tiền lương hoặc các khoản đóng góp liên quan	Bỉ, Pháp, Hà Lan, Hungary, Nga, Bồ Đào Nha, Thụy Điển, Thổ Nhĩ Kỳ
3. Ưu đãi thuế cho R&D ở mức cao hơn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp trẻ hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp	Úc, Bỉ, Canada, Pháp, Ý, Nhật, Hàn Quốc, Hà Lan, Na Uy, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh
4. Mức trần về số tiền có thể nhận được cho các ưu đãi cụ thể	Úc, Canada, Chile, Đan Mạch, Pháp, Hungary, Iceland, Ý, Nhật, Hàn Quốc, New Zealand, Na Uy, Bồ Đào Nha, Cộng hòa Slovak, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thổ Nhĩ Kỳ, Anh, Hoa Kỳ
5. Ưu đãi thuế cho R&D dựa trên thu nhập	Bỉ, Trung Quốc, Colombia, Pháp, Hungary, Ireland, Israel, Ý, Luxembourg, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Anh
6. Không có ưu đãi thuế cho R&D	Estonia, Phần Lan, Đức, Mexico

Nguồn: *OECD (2016)*

Ưu đãi thuế dựa trên chi tiêu cho R&D là hình thức khấu hao thuế nhanh/ngay dựa trên chi tiêu cho R&D. Khấu hao thuế nhanh là khi việc thu hồi vốn đầu tư R&D nhanh hơn mức khấu hao kinh tế cơ bản của tài sản dài hạn vì mục đích tính thuế. Hầu hết các quốc gia cho phép các công ty khấu

trừ ngay tiền lương của nhân viên và vốn đầu tư cho R&D, mặc dù khoản đầu tư R&D dự kiến sẽ chỉ tạo ra thu nhập trong tương lai.

Ưu đãi thuế dựa trên thu nhập thông qua thuế suất thấp hơn đối với thu nhập trong tương lai từ đầu tư R&D sẽ làm tăng tỷ suất lợi nhuận sau thuế của các khoản đầu tư đó, điều này có thể cố gắng giải quyết thất bại thị trường do các doanh nghiệp không chiếm dụng hoàn toàn lợi tức đầu tư của họ (tác động tràn). Các ưu đãi thuế dựa trên thu nhập và chi tiêu R&D có thể được thiết kế để cung cấp mức ưu đãi thuế gần như nhau tính theo giá trị hiện tại.

Ngoài ra, ưu đãi thuế dựa trên thu nhập còn có một hình thức khác là “Cơ chế hộp bằng sáng chế (IP)” (Patent (IP) Box Regimes). Đây là hình thức mà các nước trên thế giới đã áp dụng từ nhiều năm trước.

“Cơ chế hộp bằng sáng chế” (còn được gọi là cơ chế sở hữu trí tuệ) giúp các tổ chức nghiên cứu ngoài công lập được hưởng mức đóng thuế thu nhập thấp hơn thuế thu nhập quy định đối với thu nhập có được từ việc tạo ra các tài sản trí tuệ. Thông thường, các loại tài sản trí tuệ đủ điều kiện được hưởng thuế thu nhập ưu đãi là bằng sáng chế và bản quyền phần mềm. Tùy thuộc vào cơ chế hộp bằng sáng chế của từng nước, thu nhập có được từ tài sản trí tuệ có thể bao gồm tiền bản quyền, phí cấp phép, lợi nhuận từ việc bán bằng sáng chế, doanh thu từ hàng hóa và dịch vụ có liên quan đến sở hữu trí tuệ và tiền bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Trên thực tế, cơ chế hộp bằng sáng chế cho phép một tổ chức được hưởng ưu đãi chỉ phải đóng thuế từ thu nhập do bằng sáng chế mang lại thấp hơn rất nhiều so với thu nhập có được từ hoạt động kinh doanh thông thường của một doanh nghiệp. Hiện tại, 13 trong số 27 quốc gia thành viên EU đã áp dụng cơ chế hộp bằng sáng chế, đó là: Bỉ, Síp, Pháp, Hungary, Ireland, Litva, Luxembourg, Malta, Hà Lan, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Slovakia và Tây Ban Nha. Các quốc gia ngoài EU là: Andorra, San Marino, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ và Vương quốc Anh cũng đã thực hiện cơ chế hộp bằng sáng chế. Mức thuế suất giảm được cung cấp theo cơ chế hộp bằng sáng chế dao động từ 0% ở San Marino đến 12,5% ở Thổ Nhĩ Kỳ. Việc sử dụng các cơ chế hộp bằng sáng chế để kích thích hoạt động R&D của tổ chức nghiên cứu ngoài công lập là cải tiến mới nhất trong lĩnh vực chính sách hỗ trợ R&D của doanh nghiệp. Tương tự, cuộc cải cách thuế doanh nghiệp năm 2017 của Hoa Kỳ “Cắt giảm thuế và Đạo luật việc làm” (TCJA) cũng đã đưa ra cơ chế hộp bằng sáng chế cho hệ thống thuế của Hoa Kỳ (*Güçeri & cộng sự, 2023*).

Các kết quả nghiên cứu về tác động của chính sách cơ chế hộp bằng sáng chế cho kết quả không thống nhất. Tác dụng dự kiến của cơ chế hộp bằng sáng chế là kích thích R&D dẫn đến phát sinh các tài sản trí tuệ và cuối cùng là nâng cao năng suất và tăng trưởng của doanh nghiệp. Mười năm trước đây,

ngiên cứu của *Karkinsky & Riedel (2012)* rồi tiếp đến là *Böhm & cộng sự (2015)*, *Ohrn (2016)* đã cho thấy chính sách cơ chế hộp bằng sáng chế làm tăng R&D nói chung, trực tiếp tại các công ty con của các tập đoàn đa quốc gia ở quốc gia có chính sách hộp bằng sáng chế hoặc gián tiếp tại các công ty con của MNE nằm ở nước không áp dụng cơ chế hộp bằng sáng chế, nhưng có chi nhánh tương tự ở một quốc gia có chính sách cơ chế hộp bằng sáng chế (*Schwab & Todtenhaupt, 2021*).

Tuy nhiên, biện pháp khuyến khích dựa trên cơ chế hộp bằng sáng chế chỉ mang lại “phần thưởng” về sau cho những doanh nghiệp thành công trong R&D và có được các bằng sáng chế, những doanh nghiệp đã nắm độc quyền đối với các sáng chế của họ. R&D là một hoạt động rủi ro, đương nhiên dẫn đến tỷ lệ thất bại cao, do đó, khuyến khích dựa trên thu nhập có được từ bằng sáng chế có thể không mang lại động lực và lợi ích khiến cho công ty thực hiện hoạt động R&D (*Haufler & Schindler, 2023*). Từ góc độ chính sách, kết quả nghiên cứu mới gần đây chỉ ra rằng cơ chế hộp bằng sáng chế thực sự có thể được coi là một “hình thức cạnh tranh thuế có hại” và chúng nên được thay thế bằng “các khoản tín dụng thuế R&D được thiết kế tốt”. Chính sách thuế thu nhập từ bằng sáng chế này đa phần mang lại lợi ích cho các công ty hiện tại đã có nhiều hoạt động R&D đa dạng để thu được lợi nhuận cao hơn từ những khoản đầu tư thành công của họ (*OECD, 2016*) hơn là các công ty có tiềm lực hạn chế cần phải được hỗ trợ và không có tác dụng nhiều trong việc tăng số lượng bằng sáng chế (*Bloom & cộng sự, 2019*).

Ngoài ra, việc tính toán thu nhập đủ điều kiện hưởng ưu đãi thuế R&D từ bằng sáng chế là rất khó, vì việc xác định dòng thu nhập được tạo ra bởi một công nghệ/bằng sáng chế khi nhiều công nghệ/bằng sáng chế - thường được cấp vào các thời điểm khác nhau - được sử dụng để sản xuất một sản phẩm phức tạp (chẳng hạn như chất bán dẫn). Việc đo lường thu nhập từ công nghệ/bằng sáng chế vốn đã khó khăn vì dòng thu nhập giữa các bên liên quan phải được tính toán trong trường hợp không có mức giá rõ ràng cho việc sử dụng quyền sở hữu trí tuệ với bên thứ ba không liên quan (*OECD, 2016, 2023b*).

6.2. Hàm ý chính sách

6.2.1. Xây dựng tổ hợp chính sách thuế hỗ trợ R&D cho tổ chức nghiên cứu ngoài công lập

So với một loạt các chính sách ưu đãi thuế phổ biến trên thế giới liệt kê ở mục 6.1 (bao gồm: Ưu đãi thuế R&D dựa trên chi tiêu; Giảm thuế tiền lương hoặc các khoản đóng góp liên quan; Ưu đãi thuế R&D hào phóng hơn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp trẻ hoặc doanh nghiệp khởi nghiệp; Mức trần về số tiền có thể nhận được cho các ưu đãi cụ thể), Việt

Nam mới chỉ áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (income-based tax incentives) và chính sách cơ chế hộp bằng sáng chế quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP về về doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Như vậy, chính sách hỗ trợ về thuế của Việt Nam cho R&D đối với khu vực ngoài công lập còn rất hạn chế, khung chính sách tổ hợp thuế của Việt Nam còn thiếu khá nhiều các công cụ chính sách so với quốc tế.

Ngoài ra, một điểm cộng là chính sách ở Việt Nam cũng tập trung hỗ trợ theo hướng khai thác, hỗ trợ thúc đẩy bằng sáng chế. Ví dụ, quy định tại Thông tư số 75/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030. Thông tư nêu rõ về mức ngân sách nhà nước hỗ trợ trong đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới. Cụ thể, trường hợp đăng ký bảo hộ trong nước: Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới, mức hỗ trợ 30 triệu VNĐ/đơn; đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, 15 triệu VNĐ/văn bằng bảo hộ. Trường hợp đăng ký bảo hộ ở nước ngoài cho các đối tượng quy định, mức hỗ trợ là 60 triệu VNĐ/đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

Nhiều trường đại học, viện nghiên cứu và các tỉnh, thành phố trong cả nước đã có chính sách hỗ trợ, thúc đẩy đăng ký sáng chế. Số lượng đăng ký và số lượng bằng độc quyền sáng chế được cấp có xu hướng tăng. Ví dụ, là nơi có nguồn tài sản trí tuệ lớn của quốc gia, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam đã triển khai những chính sách đột phá để khai thác, đưa nhanh kết quả nghiên cứu tham gia thị trường KH&CN. Theo đó, có các hướng nghiên cứu tập trung giải quyết “vùng trũng” trong nghiên cứu để công nghệ tiệm cận nhu cầu của doanh nghiệp nhất, như hướng nghiên cứu ứng dụng yêu cầu “đầu ra” đăng ký bằng sáng chế và giải pháp hữu ích; hướng đề tài dự án sản xuất thử nghiệm nhằm nâng quy mô sản xuất bán công nghiệp và hướng đề tài nghiên cứu phát triển sản phẩm thương mại sẵn sàng chuyên giao cho doanh nghiệp trên cơ sở các kết quả nghiên cứu đã được bảo hộ sáng chế và giải pháp hữu ích (Hà Linh, 2023).

Chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách cơ chế hộp bằng sáng chế từ kinh nghiệm quốc tế đều có những mặt tích cực và tiêu cực như đã phân tích ở mục 6.1. Điều đó là hoàn toàn bình thường vì một chính sách bao giờ cũng có điểm yếu, điểm mạnh. Do vậy, các nước thường dùng tổ hợp chính sách thuế (tax policy mix) theo thống kê ở Bảng 1 để khuyến khích một cách bao trùm và đầy đủ cho các hoạt động R&D của doanh nghiệp. Như vậy, trong tương lai, Việt Nam nên xem xét đưa ra các tổ hợp chính sách thuế để hỗ trợ và tạo động lực cho các doanh nghiệp tiến hành các hoạt động R&D.

6.2.2. Chuẩn hóa các thuật ngữ định nghĩa dùng trong chính sách

Ngoài ra, cần lưu ý, trong quá trình hội nhập hóa về KH&CN việc đồng bộ hóa khái niệm về chính sách KH&CN là rất cần thiết và là điều kiện tiên quyết. Điều này không những tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam tham gia các nghiên cứu về chính sách, các khảo sát về chính sách như của tổ chức OECD khi mà hệ thống thống kê KH&CN của Việt Nam sử dụng các nội hàm tương đương với hệ quy chiếu quốc tế. Sở dĩ nhóm bài báo nhấn mạnh vào khuyến nghị này vì từ việc xác định và định vị “tổ chức nghiên cứu ngoài công lập” trong hệ quy chiếu quốc tế cho thấy việc rà soát và xây dựng mới chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cần nghiên cứu thuật ngữ, định nghĩa với nội hàm tương tự được phản ánh trong các tài liệu của các tổ chức định hướng ngành KH&CN như OECD. Tránh dùng các khái niệm mà chưa được so sánh sự phù hợp/tương thích về nội hàm của nó với các thuật ngữ đã được chuẩn hóa trên thế giới. Việc chuẩn hóa thuật ngữ định nghĩa cơ bản này là nền tảng rất quan trọng và là bước đầu tiên cần làm để đưa ngành KH&CN Việt Nam hội nhập với quốc tế, đảm bảo chúng ta sử dụng chung một ngôn ngữ về KH&CN với thế giới nếu không muốn rơi vào tình trạng cách hiểu khác nhau khi không đứng cùng một hệ quy chiếu khi học tập kinh nghiệm thực hành tốt của quốc tế về chính sách KH&CN cũng như khi tham gia vào hệ thống thống kê KH&CN quốc tế. Việc tham gia vào hệ thống thống kê thế giới sẽ giúp việc so sánh tương quan giữa các nước và các nền kinh tế trở nên đáng tin cậy về mặt phương pháp, số liệu và các khuyến nghị chính sách, nhờ thế sẽ sát với tình hình thực tế hơn.

6.2.3. Rà soát các văn bản đảm bảo tính “triển khai” của chính sách

Với 7 khoảng trống chính sách được xác định ở mục 5 cho thấy, các chính sách hỗ trợ hoạt động KH&CN cho các tổ chức KH&CN ngoài công lập mặc dù đã tiệm cận với các chính sách quốc tế về mặt chủ trương nhưng còn hạn chế về mặt thực thi như:

- Chưa rõ hiệu quả và tác động xã hội vì việc triển khai gặp nhiều vướng mắc do thiếu thông tư hướng dẫn như Nghị định số 53/2006/NĐ-CP;
- Riêng đối với hỗ trợ hoạt động KH&CN cho doanh nghiệp (doanh nghiệp KH&CN và công nghệ cao) thì các vấn đề về khoảng trống liên quan có thể nhóm thành 2 nhóm vấn đề:
 - + *Nhóm 1*: Đưa ra các khái niệm trong chính sách nhưng không có giải thích nội hàm để có thể xác định được trên thực tế triển khai chính sách đang là “nút thắt cổ chai” cần được lưu ý giải quyết ngay (ví dụ như khoảng trống #2-3-4-7);

- + *Nhóm 2*: Thiếu các quy định (ví dụ khoảng trống #1-5-7) khiến các chính sách không tương thích và đồng bộ.

Khuyến nghị từ khoảng trống chính sách thuộc Nhóm 1 và Nhóm 2 cho thấy, cần có đánh giá hiệu quả việc triển khai chính sách ưu đãi thuế cho hoạt động R&D trong doanh nghiệp, các tổ chức KH&CN ngoài công lập để tiếp tục sửa đổi, cập nhật chính sách mang lại hiệu quả hơn trong thực tế.

7. Kết luận

Các ưu đãi thuế rất quan trọng trong việc giảm nghĩa vụ thuế đối với các tổ chức đang gặp rủi ro đáng kể trong hoạt động kinh doanh và đầu tư vào R&D của mình. Do đó, các ưu đãi tài chính cho R&D cần được coi là một phần của hệ thống thuế tổng thể, chiến lược đổi mới tổng thể và được tích hợp vào môi trường kinh tế, đầu tư tổng thể của một quốc gia. Do sự đa dạng và tính không đồng nhất giữa các tổ chức KH&CN ngoài công lập và các loại hình đầu tư R&D khác nhau của khu vực tư nhân, Việt Nam cần nghiên cứu thêm về các tổ hợp khuyến khích tài chính khác nhau để xác định các điều kiện tài chính và kinh tế mang lại sự cải thiện lớn nhất về năng suất và phúc lợi từ các khoản đầu tư đáng kể của Chính phủ vào R&D doanh nghiệp và các tổ chức KH&CN ngoài công lập. Ngoài ra, việc chuẩn hóa các khái niệm về tổ chức KH&CN dùng trong chính sách theo hệ quy chiếu quốc tế cũng cần được chú ý trong quá trình xây dựng và soạn thảo chính sách, tạo điều kiện trong việc tham gia các nghiên cứu quốc tế cũng như chuẩn đối sánh (benchmark) trong quá trình thống kê KH&CN khu vực và thế giới. Việc đánh giá hiệu quả triển khai của các chính sách thuế trên thực tế rất quan trọng nhằm tháo gỡ “nút thắt cổ chai” trong quá trình chính sách đi vào thực tế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Thành Long (2020). “Một số chính sách đột phá của Israel trong phát triển hệ thống đổi mới và công nghệ”. *Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông*, 04(176), 23-32.
2. Hà Linh (2023). “Khai thác sáng chế để thúc đẩy đổi mới sáng tạo”. *Báo Nhân dân online*, ngày 18/05/2023, <<https://nhandan.vn/khai-thac-sang-che-de-thuc-day-doi-moi-sang-tao-post753185.html>>.
3. Alstadsæter, A., Barrios, S., Nicodeme, G., Skonieczna, A. M., & Vezzani, A. (2018). "Patent Boxes Design, Patents Location, and Local R&D". *Economic Policy*, 33(93), 131-177.
4. Anderson James, E. (1984). *Public Policy Making: An Introduction*. In. Boston: Houghton Mifflin Company.

5. Bevan, L. D. (2019). *Research & Development Policy: An Overview of Key Thinking and Frameworks*. UCL Department of Science, Technology, Engineering & Public Policy (STeAPP), London.
6. Bloom, N., Van Reenen, J., & Williams, H. (2019). "A toolkit of policies to promote innovation". *Journal of economic perspectives*, 33(3), 163-184.
7. Birkland, T. A. (2019). *An Introduction to the Policy Process: Theories, Concepts, and Models of Public Policy Making*. Routledge.
8. Böhm, T., Karkinsky, T., Knoll, B., & Riedel, N. (2015). "Corporate Taxes and Strategic Patent Location within Multinational Firms". *CESIfo Area Conference on Public Economics*,
9. Bösenberg, S., & Egger, P. H. (2017). "R&D Tax Incentives and The Emergence and Trade of Ideas". *Economic Policy*, 32(89), 39-80.
10. Bradley, S., Dauchy, E., & Robinson, L. (2015). "Cross-country Evidence on The Preliminary Effects of Patent Box Regimes on Patent Activity and Ownership". *National Tax Journal*, 68(4), 1047-1071.
11. Chavez, E. (2020). *The Effects of R&D Tax Credits and Subsidies on Private R&D in Mexico*. Paris School of Economics.
12. Grossman, G. M., & Helpman, E. (1993). *Innovation and growth in the global economy*. MIT Press.
13. Güçeri, İ., Köthenbürger, M., & Simmler, M. (2020). "Supporting Firm Innovation and R&D: What is the Optimal Policy Mix?" EconPol Policy Report, No. 20, ifo Institute - Leibniz Institute for Economic Research at the University of Munich, Munich.
14. Haufler, A., & Schindler, D. (2023). "Attracting profit shifting or fostering innovation? On patent boxes and R&D subsidies". *European Economic Review*, 155, 104446.
15. Hood, C. (2007). "Intellectual obsolescence and intellectual makeovers: Reflections on the tools of government after two decades". *Governance*, 20(1), 127-144.
16. Jenkins, W. I. (1978). *Policy Analysis: A Political and Organisational Perspective*. Martin Robertson.
17. Karkinsky, T., & Riedel, N. (2012). "Corporate taxation and the choice of patent location within multinational firms". *Journal of international Economics*, 88(1), 176-185.
18. OECD (2010). *OECD Science, Technology and Industry Outlook 2010*. OECD Publishing, Paris.
19. OECD (2015). *Frascati Manual 2015: Guidelines for Collecting and Reporting Data on Research and Experimental Development, The Measurement of Scientific, Technological and Innovation Activities*. OECD Publishing, Paris.
20. OECD (2016). *Fiscal Incentives for R&D and Innovation in a Diverse World*. OECD Publishing, Paris.
21. OECD (2023a). *The Impact of R&D Tax Incentives: Results from the OECD MicroBeRD+ Project*. OECD Publishing, Paris.

22. OECD (2023b). *Income-based Tax Relief for R&D and Innovation: An Integrated View*. OECD Publishing, Paris.
23. Ohrn, E. (2016). *The Effect of IP Box Regimes on International IP Payments and Foreign Research and Development*. Mimeo, Grinnell College.
24. Schwab, T., & Todtenhaupt, M. (2021). "Thinking outside the box: The cross-border effect of tax cuts on R&D". *Journal of Public Economics*, 204, 104536.
25. Bloom, Nicholas, John Van Reenen, and Heidi Williams. 2019. "A Toolkit of Policies to Promote Innovation" *Journal of Economic Perspectives*, 33 (3): 163-84.
26. Haufler, A., & Schindler, D. (2023). "Attracting profit shifting or fostering innovation? On patent boxes and R&D subsidies". *European Economic Review*, 155, 104446.